

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 8 - 2023

V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Phượng

2. Ông Trương Văn Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trúc - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 233/2023/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023, về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tường V, sinh năm 1998

Địa chỉ ĐKTT: ấp B, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: ấp B, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, chị V và anh T đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai và đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt của nguyên đơn là chị Lê Thị Tường V trình bày:

- Về hôn nhân: Chị V và anh T qua tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm vào ngày 08/4/2022. Sau khi kết hôn chị và anh T chung sống cùng với gia đình cha mẹ anh T, tại ấp Hòa Tây, xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, thời gian chung sống được vài tháng thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, từ đó thường xuyên cãi vã và ngày càng trở nên gay gắt, chị và anh T không còn không còn chung sống từ tháng 4/2023, chị trở về nhà mẹ ruột sống tại địa chỉ ấp 11, xã Tân Hào, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre cho đến nay, tuy chị và anh T không chung sống với

nhau trong thời gian ngắn nhưng chị đã xác định hiện tại chị không còn tình cảm với anh T nữa nên không thể hàn gắn được, cần thiết ly hôn để chấm dứt mối quan hệ vợ chồng, từ đó chị V có đơn yêu cầu giải quyết cho ly hôn với Tuấn.

- Về con chung: Chị và anh T chung sống không có con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Theo đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt của bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T đồng ý ly hôn với chị V.
- Về con chung: Anh T và chị V chung sống không có con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Tường V. Chị Lê Thị Tường V được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: không có, nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- [1] Về tố tụng:

- Chị Lê Thị Tường V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Vy được xác định vụ án có quan hệ pháp luật “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Anh Nguyễn Văn T là bị đơn có nơi cư trú tại ấp Hưng Hòa Tây, xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Lê Thị Tường V và anh T đều có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, xét nội dung yêu cầu của chị Vy và anh T là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt chị V với anh T.

- [2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Tường V và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 36, ngày 08 tháng 4 năm 2008 tại

Ủy ban nhân xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, nên quan hệ hôn nhân của chị V và anh T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tuy nhiên, theo chị V trình bày trong quá trình chung sống, chị và anh T phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị không còn chung sống với anh T từ khoảng tháng 4/2023 cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh T đã được Tòa án Thông báo hợp lệ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải về hôn nhân giữa chị V và anh T được. Tuy nhiên, sau đó anh T có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt thể hiện nội dung Tuân đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị V.

Xét thấy, giữa chị V và anh T không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Bên cạnh đó, hiện tại anh chị đã không còn chung sống với nhau.

Từ đó, có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của chị V và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V để giải quyết cho chị V được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Chị V và anh T trình bày thống nhất với nhau trong thời gian chung sống không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị V trình bày thống nhất không có, không yêu cầu xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và ý kiến đề nghị về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chị V đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tường V.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Tường V được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Tường V và anh Nguyễn Văn T trình bày thống nhất không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Tường V và anh Nguyễn Văn T trình bày thống nhất không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Tường V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lê Thị Tường V đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0004391 ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Chị V đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- UBND xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Huệ